TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2026/HS-ST

Ngày: 29 - 6 - 2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Ngọc.

Ông Vũ Văn Thăng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2026/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Mai Thị Kim M, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số I, ấp P, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Đức Q, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1974; Bị cáo có chồng là Phạm Công M1, sinh năm 1990 và có 02 người con là Phạm Tuấn K, sinh năm 2017, Phạm Quốc T, sinh năm 2018. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

2. Vũ Đức T1, sinh năm 1990 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số A, ấp P, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Công T2, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị Thanh T3, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1991 và có 03 người con là Vũ Đức T5, sinh năm 2013; Vũ Ngọc Minh T6, sinh năm 2014; Vũ Đức T7, sinh năm 2018. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

3. Trần Thị Thanh T8, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp G, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị M2, sinh năm 1965; Bị cáo có chồng là Mai Đức H, sinh năm 1989 và có 02 người con là M3 Trần Đức Đ, sinh năm 2016; M3 Trần Thảo V1, sinh năm 2018. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

4. Mai Đức H, sinh năm 1989 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: ấp G, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn S, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Ánh T9, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là Trần Thị Thanh T8, sinh năm 1993 và có 02 người con là M3 Trần Đức Đ, sinh năm 2016; M3 Trần Thảo V1, sinh năm 2018. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

5. Mai Thanh L, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số A, ấp P, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn S, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Ánh T9, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ con, là con thứ 02 trong gia đình có 10 chị em; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

6. Mai Thị Thanh D, sinh năm 1987 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số A, ấp P, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn S, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Ánh T9, sinh năm 1964; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn T10, sinh năm 1981, có 02 người con là Nguyễn Minh Q1, sinh năm 2008 và Nguyễn Mai Trà M4, sinh năm 2014. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

7. Nguyễn Văn T10, sinh năm 1981 tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký thường trú: số A, ấp P, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Hớt tóc; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T11 (đã chết); Bị cáo có vợ là Mai Thị Thanh D, sinh năm 1987, có 02 người con là Nguyễn Minh Q1, sinh năm 2008 và Nguyễn Mai Trà M4, sinh năm 2014. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

8. Nguyễn Phạm Tuyết N1, sinh năm 2005 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký thường trú: số B, tổ A, khóm T, phường S, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ơ: số F, ấp B, xã V, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị Tuyết N2, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có chồng con, là con đầu trong gia đình có 02 chị em. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

9. Vũ Phạm Ngọc Q2, sinh năm 2004 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số G, ấp B, xã T, thành phố Đ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Anh T12, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Tuyết V2, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có chồng con; là con út trong gia đình có 04 anh chị em; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

10. Mai Thị Trúc A, sinh năm 1992 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số E, ấp Đ, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn S, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Ánh T9, sinh năm 1964; Bị cáo có chồng là Tạ Quốc T13, sinh năm 1991, có 02 người con là Tạ Mai Như Q3, sinh năm 2015 và Tạ Hoàng T14, sinh năm 2019. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

11. Mai Thị Kim M, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số I, ấp P, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Đức Q, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1974; Bị cáo có chồng là Phạm Công M1, sinh năm 1990, có 02 người con là Phạm Tuấn K, sinh năm 2017 và Phạm Quốc T, sinh năm 2018. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

12. Mai Thị Mộng N3, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: số A, ấp P, xã G, thành phố Đ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn S, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Ánh T9, sinh năm 1964; Bị cáo có chồng là Trần Hoàng M5, sinh năm 1989, có 03 người con là Trần Mai Hoàng S1, sinh năm 2014, Trần Ngọc Bảo H1, sinh năm 2018 và Trần Hoàng L2, sinh năm 2024. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 22/02/2026 được trả tự do cùng ngày. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/3/2026 cho đến nay.

- *Người chứng kiến:* Anh Phạm Ngọc Tuấn H2, sinh năm 2004

Nơi cư trú: ấp G, xã G, thành phố Đ.

(*Các bị cáo có mặt, người chứng kiến vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/02/2026, Công an xã G, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) đang tuần tra, kiểm soát thì bắt quả tang Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Kim M, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Vũ Đức T1, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15 đang tham gia đánh bạc, dưới hình thức bài cào. Tang vật thu giữ gồm: 02 bộ bài tây 52 lá hiệu Double K, 01 xe mô tô biển số 60B7-254.68 và 01 xe mô tô biển số 60B7-254.67, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 25.900.000 đồng và thu giữ trong người các bị cáo tổng số tiền là 19.420.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được:

Vào tối ngày 21/02/2026 (mồng 05 Tết Bính Ngọ), tại nhà vợ chồng Mai Đức H và Trần Thị Thanh T8, thuộc ấp G, xã G, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) tổ chức ăn uống. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T8 cùng Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Trúc A, Mai Thị Kim M (là em ruột của H) rủ nhau chơi đánh bài cào, thắng thua bằng tiền. Tuyền lấy bộ bài tây loại 52 lá hiệu Double K, có sẵn trong nhà ra dùng để đánh bạc, số tiền thỏa thuận đặt cược mỗi ván từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng, M là người làm cái.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2 cùng tham gia chơi. Sau đó có Mai Thanh L (là anh ruột của H), Mai Đức H, Vũ Đức T1, Nguyễn Văn T10 (chồng của D), Nguyễn Anh T15 đến cùng tham gia đánh bạc. Lúc này Vũ Đức T1 là người làm cái và thỏa thuận lại nâng tiền đặt cược mỗi ván của 01 con bạc được đặt cao nhất lên 500.000 đồng và chỉ có đàn ông làm cái.

Hình thức đánh bài "cào cái" như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tây hiệu Double K loại 52 lá, người cầm cái chia bài theo chiều kim đồng hồ cho các con bạc, mỗi người được chia 03 lá bài. Điểm được tính là số lẻ của tổng điểm 03 quân bài cộng lại; điểm tương ứng với số điểm trên quân bài từ quân 2 đến quân 9, quân A được tính 01 điểm; quân J, K, Q được tính 10 điểm, không tính cộng điểm theo cách đặt biệt khác. Sau đó, người chơi ngửa bài lên so điểm với nhà cái (điểm cao nhất là 10, nhỏ nhất là 01 điểm) và ăn thua trực tiếp với nhà cái, ai cao điểm hơn sẽ thắng, không tố thêm và không cá cược riêng với con bạc khác. Người làm cái sẽ là người so điểm để ăn thua với các con bạc và tính tiền, phân chia tiền thắng thua bạc với những người còn lại. Trường hợp ai là người 10 điểm thì sẽ là người làm cái ván tiếp theo hoặc có thể để lại cho người làm cái hiện tại tiếp tục làm.

Số tiền các bị cáo mang theo và sử dụng đánh bạc như sau: Vũ Đức T1 mang theo số tiền 14.500.000 đồng (tróng đó có 10.000.000 đồng không dùng đánh bạc), Mai Thị Thanh D mang theo số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Phạm Tuyết N1 mang theo số tiền 500.000 đồng, Mai Thị Mộng N3 mang theo số tiền 200.000 đồng, Mai Đức H mang theo số tiền 3.000.000 đồng, Mai Thị Trúc A mang theo số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Anh T15 mang theo số tiền 3.620.000 đồng, Vũ Phạm Ngọc Q2 mang theo số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn T10 mang theo số tiền 2.500.000 đồng, Trần Thị Thanh T8 mang theo số tiền 1.000.000 đồng, Mai Thị Kim M mang theo số tiền 15.000.000 đồng, Mai Thanh L mang theo số tiền 2.000.000 đồng.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an xã G bắt quả tang cùng các tang vật như trên. Tại thời điểm bị bắt Vũ Đức T1 đang thắng số tiền 3.650.000 đồng, Mai Thị Thanh D thắng số tiền 3.100.000 đồng, Nguyễn Phạm Tuyết N1 thắng số tiền 1.600.000 đồng, Mai Thị Mộng N3 thắng số tiền 2.300.000 đồng, Mai Đức H thắng số tiền 400.000 đồng, Mai Thị Trúc A thắng số tiền 3.000.000 đồng, Nguyễn Anh T15 thắng số tiền 800.000 đồng, Vũ Phạm Ngọc Q2 thắng số tiền 2.800.000 đồng, Nguyễn Văn T10 thua số tiền 1.000.000 đồng, Trần Thị Thanh T8 thua số tiền 300.000 đồng, Mai Thị Kim M thua số tiền 14.850.000 đồng, Mai Thanh L thua số tiền 1.500.000 đồng.

Về thu giữ vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ:

- Số tiền 45.320.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo.

- 02 bộ bài tây 52 lá hiệu Double K đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Thu giữ 01 xe mô tô biển số 60B7-254.68 của Nguyễn Anh T15 và 01 xe mô tô biển số 60B7-544.67 của Mai Thanh L. Xe có giấy tờ hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại cho Nguyễn Anh T15 và Mai Thanh L.

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT-VKSLK ngày 19/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Kim M, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Vũ Đức T1, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa hôm nay:

* Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu, qua phần xét hỏi đối với bị cáo Vũ Đức T1 xác định được bị cáo mang theo số tiền 14.500.000 đồng là tiền bị cáo mua bán bông ngày tết có được, bị cáo chỉ sử dụng số tiền đánh bạc là 4.500.000 đồng còn 10.000.000 đồng để túi quần sau để trả chủ vườn bông nên xác định lại tổng số tiền tổng các bị cáo đánh bạc là 35.320.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt mỗi bị cáo Mai Thị Kim M, Vũ Đức T1: từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật

Phạt bổ sung mỗi bị cáo Mai Thị Kim M, Vũ Đức T1 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tiền đối với các bị cáo: Nguyễn Văn T10; Nguyễn Anh T15; Mai Đức H và Mai Thanh L mỗi người số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Xử phạt tiền đối với các bị cáo: Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2 mỗi người số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 35.320.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của Vũ Đức T1 tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án.

- 02 bộ bài tây 52 lá hiệu Double K đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

* Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình, kính xin Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, việc truy tố của Viện kiểm sát là chính xác, không oan sai. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22/02/2026, tại nhà của vợ chồng Mai Đức H và Trần Thị Thanh T8 thuộc ấp G, xã G, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ), Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Kim M, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Vũ Đức T1, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15 đã có hành vi đánh bạc trái phép, bằng hình thức đánh bài cào cái, thắng thua bằng tiền với tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 35.320.000 đồng thì bị Công an xã G bắt quả tang cùng tang vật.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Kim M, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc

Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Vũ Đức T1, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15 phạm vào tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo như trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi của các bị cáo:

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, ý thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi, muốn kiếm tiền bằng nguồn thu nhập bất chính mà các bị cáo đã lợi dụng dịp Tết Âm lịch để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, trật tự công cộng và nếp sống văn minh của xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Mai Thị Kim M, Vũ Đức T1 là người làm cái; bị cáo Thanh T8 chuẩn bị sẵn công cụ, phương tiện phạm tội, các bị cáo Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15 là những người trực tiếp đánh bạc. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, vai trò và số tiền đánh bạc của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Các bị cáo Mai Thị Kim M, Vũ Đức T1 có địa chỉ nơi thường trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo được, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý, giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người tốt. Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Riêng các bị cáo Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là đủ nghiêm.

[5] Về xử lý vật chứng:

+Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây 52 lá hiệu Double K đã qua sử dụng đây là những công cụ mà các bị cáo dùng để đánh bạc.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 35.320.000 (Ba mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng) các bị cáo dùng để đánh bạc.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng thu giữ túi quần sau của Vũ Đức T1, số tiền này bị cáo khai không sử dụng đề đánh bạc và không chứng minh được bị cáo dùng đánh bạc, tuy nhiên tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bào công tác thi hành án.

+ 01 xe mô tô biển số 60B7-254.68 của Nguyễn Anh T15 và 01 xe mô tô biển số 60B7-544.67 của Mai Thanh L, không phải là công cụ phương tiện phạm tội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Kim M, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Vũ Đức T1, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15 phạm tội "Đánh bạc"

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Kim M **10** (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm **08** (T16) tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức T1 **08** (T16) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01** (Một) năm **04** (Bốn) tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Thị Kim M, Vũ Đức T1 cho Ủy ban nhân dân xã G, thành phố Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó

phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 35 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T15 số tiền **35.000.000** đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Mai Đức H số tiền **30.000.000** đồng *(Ba mươi triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T10 số tiền **25.000.000** đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Mai Thanh L số tiền **25.000.000** đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T8 số tiền **25.000.000** đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Mai Thị Thanh D số tiền **20.000.000** đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Mai Thị Mộng N3 số tiền **20.000.000** đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Mai Thị Trúc A số tiền **20.000.000** đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Tuyết N1 số tiền **20.000.000** đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

- Xử phạt bị cáo Vũ Phạm Ngọc Q2 số tiền **20.000.000** đồng *(Hai mươi triệu đồng).*

4. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ Luật Hình sự.

- Phạt bổ sung bị cáo Mai Thị Kim M số tiền **25.000.000** đồng *(Hai mươi lăm triệu đồng)*

- Phạt bổ sung bị cáo Vũ Đức T1 số tiền **15.000.000** đồng *(Mười lăm triệu đồng)*

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tây 52 lá hiệu Double K đã qua sử dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố tỉnh Đồng Nai.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 35.320.000 *(Ba mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng)* theo Giấy nộp tiền của Ngân hàng N4 – chi nhánh T17 vào tài khoản số 3949.0.1036597.00000 ngày 26/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ tại Kho bạc Nhà nước L3.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* của bị cáo Vũ Đức T1 để đảm bảo công tác thi hành án.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Trần Thị Thanh T8, Mai Thị Thanh D, Mai Thị Mộng N3, Mai Thị Kim M, Mai Thị Trúc A, Nguyễn Phạm Tuyết N1, Vũ Phạm Ngọc Q2, Mai Thanh L, Mai Đức H, Vũ Đức T1, Nguyễn Văn T10 và Nguyễn Anh T15 phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 4- Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Trường